

PSSA-GI I PHÁP B O V B N V NG MÔI TR NG BI N QU NG NINH

D V n Toán

Vi n Nghiên c u qu n lý Bi n và H i o

Tóm t t: Bài báo gi i thi u v hi n tr ng và ph ng pháp xác nh ranh gi i c a vùng c bi t nh y c m (PSSA) c a T ch c Hàng h i qu c t (IMO) i v i các vùng bi n có giá tr v sinh thái, kinh t xã h i, khoa h c giáo d c. Bài báo xu t các khu ti m n ng PSSA c a Vi t Nam. Vùng bi n Qu ng Ninh có giá tr c bi t toàn c u c a các khu di s n thiên nhiên th gi i nh v nh H Long và các khu b o t n a d ng sinh h c bi n nh Bái T Long, Cô Tô, o Tr n. Bài có ánh giá nguy c t n th ng thi t h i do các ho t ng hàng h i n i a và qu c t gây ra khi ra vào các Cái Lân, H i Hà, V n Gia. Bài c ng xu t các c quan qu n lý, các a ph ng và c ng ng hàng h i l a ch n ph ng án và ti n hành xây đ ng đ án l p h s PSSA bi n Qu ng Ninh trình IMO s m nh t.

T khóa: *PSSA, Vùng bi n c bi t nh y c m, Hàng h i qu c t , khu b o t n bi n, Di s n thiên nhiên bi n.*

PSSA- NEW SOLUTION FOR SUSTAINABLE PROTECTION OF MARINE ENVIRONMENT FOR QUANG NINH COASTAL ZONE

Du Van Toan

Research Institute for Management Seas and Islands, VASI

Abstract: This paper presents the current status and methods of determining the boundaries of the area particularly sensitive (PSSA) by the International Maritime Organization (IMO) for the valuable about marine ecology, socio-economic, science education. This paper proposed PSSA potential areas of Vietnam. Quang Ninh Coastal Zone is special global value of the world's natural heritage sites, such as Ha Long Bay and the conservation of marine biodiversity as Bai Tu Long, Co To, Dao Tran. Assess the risk of injury damage caused by the operation of domestic and international maritime caused when the Cai Lan, Hai Ha, Van Gia. Also proposes the authorities, the local maritime community and selection of the project and the PSSA construction of Quang Ninh Sea records the earliest IMO.

Key words: *PSSA, Particularly sensitive sea areas, International Maritime Organization, Marine protected areas, Marine natural heritage.*

I. GIỚI THIỆU

PSSA là một khu vực cần bảo vệ đặc biệt thông qua các hành động của IMO, vì vùng biển có giá trị cao về sinh thái, kinh tế xã hội, học khoa học và vì nó có thể dễ bị tổn thương do sự can thiệp của các hoạt động vận chuyển, hàng hải quốc tế.

Công ước PSSA-khu vực biển cần bảo vệ đặc biệt, bây giờ được xem như là một công cụ chính trong chiến lược phát triển bền vững biển của IMO. Công ước PSSA là công cụ bảo vệ quốc tế, hài hòa nhu cầu quốc tế về bảo vệ môi trường biển và là một công cụ bảo vệ khu vực biển riêng có nhiều giá trị về tài nguyên môi trường và các mối đe dọa hàng hải khác, nó cũng là sự lựa chọn của nhiều quốc gia, khu vực và toàn thế giới.

Danh hiệu PSSA quan tâm đặc biệt đến các khu vực biển mà trong đó đã có vùng biển được danh hiệu Di sản thiên nhiên thế giới, sau đó là những khu vực biển thiên nhiên biển có vị trí nghiêm trọng về các ngành hàng hải quốc tế hay các công việc biển như có tàu thuyền quốc tế qua lại.

Vịnh H Long là di sản thiên nhiên thế giới 2 lần, cùng với hàng loạt danh hiệu như Vịnh Hạ Long, Quần đảo thiên nhiên thế giới và có công việc biển như có Cầu Lộ, nơi có tuyến vận chuyển quốc tế qua lại rất lớn và nguy cơ tiềm ẩn tàu thuyền rất cao. Nếu có PSSA cho Vịnh H Long thì thêm chứng cứ gia tăng sự cần thiết cho H Long và chứng tỏ vị thế giới và giá trị pháp lý bảo vệ môi trường bền vững.

Khi được ghi danh công nhận là vùng PSSA thì vùng biển đó sẽ được Tổ chức thủy văn quốc tế (IHO) vẽ ranh giới các vùng PSSA trên bản đồ Hàng hải thế giới, và IMO công bố cho các quốc gia thành viên và các hãng hàng hải hay nghiêm cấm hàng hải bất cứ khi nào vận chuyển qua vùng biển PSSA. PSSA giúp các quốc gia kiểm soát các loại tàu thuyền đi qua để đảm bảo cách tiếp cận và tuân thủ các công ước quốc tế về biển.

II. HIỆN TRẠNG PSSA THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM

PSSA do IMO công nhận là vùng biển có giá trị cao về môi trường sinh thái, kinh tế - xã hội, khoa học và giáo dục, chủ yếu là các vùng đã là các khu vực biển hay khu vực sản xuất. Hiện tại, đến năm 2012 trên thế giới đã có 14 vùng PSSA tại hầu hết các vùng biển trên thế giới và đã phát huy tác dụng bảo vệ môi trường sinh học và di sản thiên nhiên cho một số vùng biển, đó, quần đảo trên biển địa ngục toàn cầu.

Giá trị công ước và danh hiệu PSSA. Số vùng biển đặc biệt này có thể được liệt kê theo ban Môi trường của IMO thông qua là 14 vùng (Hệ thống phân loại của Ủy ban Môi trường và Trung Quốc ngày 25 tháng 12 năm 2000; IMO, 2007; Southampton Institute, 2001): 1. Bãi biển sản xuất lớn của Úc (1990); 2. Quần đảo Sabana-Camagüey, (Cuba 1997); 3. Vùng biển Florida (Mỹ, 2002); 4. Vùng biển quanh đảo Malpelo, (Colombia, 2002); 5. Biển Wadden, (3 nước Đan Mạch, Đức, Hà Lan, 2002); 6. Khu vực biển quốc gia Paracas, (Peru, 2003); 7. Vùng biển biển Tây Âu (6 nước Bỉ, Pháp, Ai len, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Anh, 2004); 8. Vùng biển biển bãi biển sản xuất Úc (gồm các biển Torres) (2 nước Úc và Papua New Guinea, 2005); 9. Quần đảo Canary, (Tây Ban Nha, 2005); 10. Các

qu n ò Galapagos, (Ê-cu-a- o, 2005); 11. Khu v c bi n Baltic, (8 n c an M ch, Estonia, Ph n Lan, c, Latvia, Lithuania, Ba Lan và Th y ì n, 2005); 12. Công viên qu c gia bi n Papahanaumokuakea Hawaii, (M , 2007); 13. Eo bi n Bonafacio (2 n c Pháp, Ý, 2011), 14. Saba Bank (Hà Lan, 2012).

Di n tích các vùng PSSA dao ñng t 9km² (Malpelo) n 360000 km² (GBR).

B ñg 1: M ì t ñg quan PSSA v ì các khu b o v bi n khác MPA, BR, RS, WH

TT	Khu v c	Tác ñg hàng h ì qu c t	Giá tr vùng
1	Vùng ven bi n GBR (Úc)	T u ra vào c ñg ven b , ã có s c tràn d u l n	WH, MPA
2	Vùng bi n ò Sabana-Camaguey (Cuba)	T u ra vào c ñg ven b , g n t u y n hàng h ì kênh Panama, ã có s c tràn d u l n	BR, MPA, RS,
3	Vùng bi n ò Florida Keys – (M)	T u ra vào c ñg ven b , Có s c tràn d u l n	MPA
4	Vùng bi n ò Malpelo – (Columbia)	G n t u y n hàng h ì qu c t	WH, MPA
5	Vùng ven bi n Wadden Sea – (Hà Lan, an M ch, c)	T u y n hàng h ì qu c t , T u ra vào c ñg ven b , Có s c tràn d u l n	WH , RS, MPA,
6	Vùng ven bi n Paracas– (Peru)	T u ra vào c ñg ven b , Có s c tràn d u l n	MPA, RS
7	Vùng ven bi n Tây Âu– (B, Anh, Pháp, Ai Len, B ào Nha, Tây Ban Nha)	T u ra vào c ñg ven b , Nhi u s c tràn d u l n	WH, MPA,
8	Eo bi n Torres – (Úc và Papua Guinea)	T u vào c ñg ven b , Có s c tràn d u	WH, MPA
9	Vùng bi n ò Canary –(Tây Ban Nha)	G n t u y n hàng h ì qu c t , Có s c tràn d u l n,	MPA,
10	Vùng bi n ò Galapagos – (Ecuador)	G n t u y n hàng h ì qu c t	WH, MPA
11	Vùng bi n Baltic - (an M ch, Extonia, Ph n Lan, c, Lat via, Lit va, Ba Lan, Th y ì n)	T u y n hàng h ì , T u vào c ñg ven b , Có s c tràn d u	WH, MPA
12	Vùng bi n ò Papahanamokuakea –(M)	T u vào c ñg trên ò	WH, MPA
13	Eo bi n Bonifacio (Pháp, Ý)	T u ra vào c ñg ven b , S c tràn d u	MPA
14	Saba Bank (Hà Lan)	G n t u y n hàng h ì ch d u, G n m khai thác d u trên bi n	MPA

Các vùng PSSA này ã có các bi n pháp b o v -qui ñh v thay ì ch hàng h ì theo các công c MARPOL 73/78, COLREG, SOLAS c a IMO ch p thu n ñh : s ñn giao thông, ñh t u y n, báo cáo t u b t bu c, ch ño hoa tiêu, vùng c m qua l ì, c m x th ì, c m neo u và ñng là công c phát tri n b o v môi tr ñg bi n-hàng h ì c a nhi u qu c gia khác.

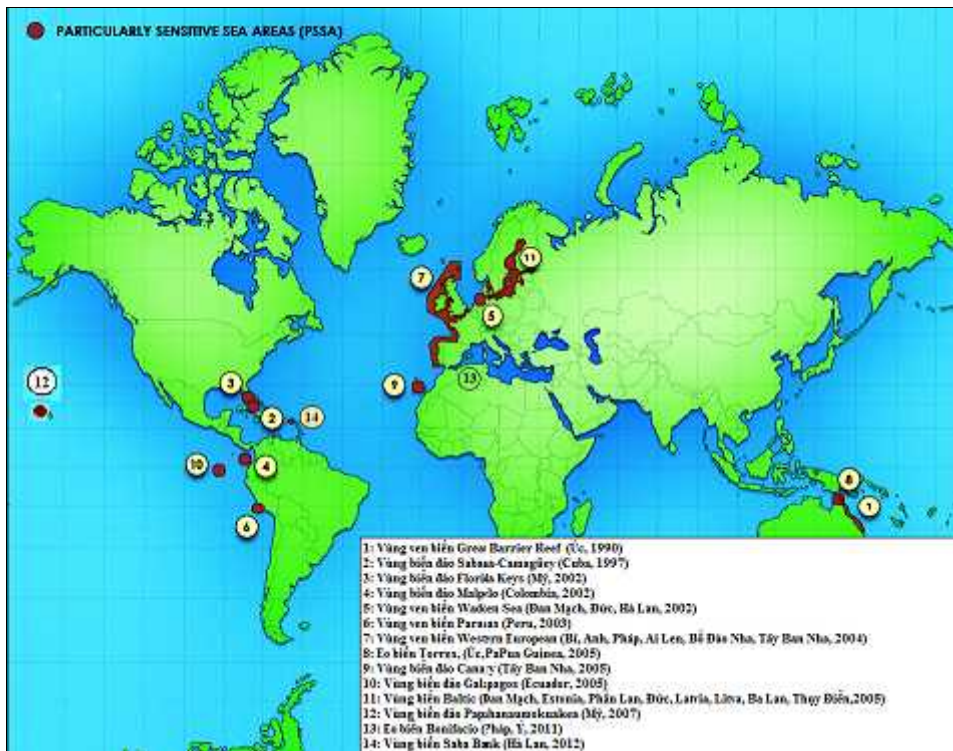
ã có 23 trên 167 qu c gia thành viên chính th c c a IMO ã có PSSA c công nh n, trong ó 16 qu c gia châu Âu, 5 qu c gia châu M , 2 châu Úc.

Có 5 PSSA liên qu c gia nh Wadden Sea, Eo Torres, Eo Bonifacio, ven bi n Tây Âu, bi n Baltic c ng t o ra ph ng th c ng ki m soát qu c t TNMT bi n và t u thuyền r t thành công.

L ích c a vùng bi n PSSA

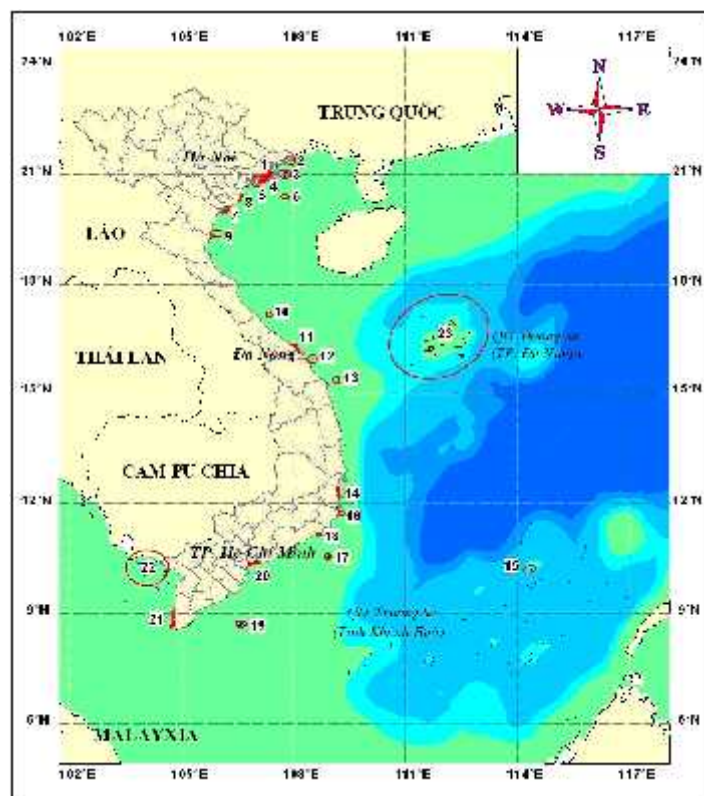
- Nâng cao nh n th c c a qu c t v giá tr môi tr ng,
- Gi i thi u tì m n ng c a các bi n pháp b sung gi m thi u t i a thi th i môi tr ng,
- Ghi nh n nh ng u tiên a ph ng cho l ích qu c t ,

Các khu PSSA ã c công nh n d a trên các khu v c ã có các danh hi u (WH)-di s n thiên nhiên th gi i c a UNESCO, hay Các khu b o t n bi n (MPA) qu c gia, hay các khu t ng p n c công c RAMSAR (RS), khu d tr sinh quy n th gi i (BR) – Ch ng trình c a y ban sinh quy n và con ng i UNESCO.



Hình 1. Phân b PSSA trên các vùng bi n th gi i (Theo IMO, 2012)

Trong 14 khu PSSA ã c IMO công nh n trên toàn c u, thì 8 khu là Di s n thiên nhiên th gi i (WH) theo B ng 1 và Hình 1 c a UNESCO là GBR, Malpelo, Wadden Sea, Eo Torres, ven bi n Tây Âu, Baltic, Galapas, Papahanamokuakea.



Hình 2. S các các vùng PSSA tiềm năng của vùng biển Việt Nam.

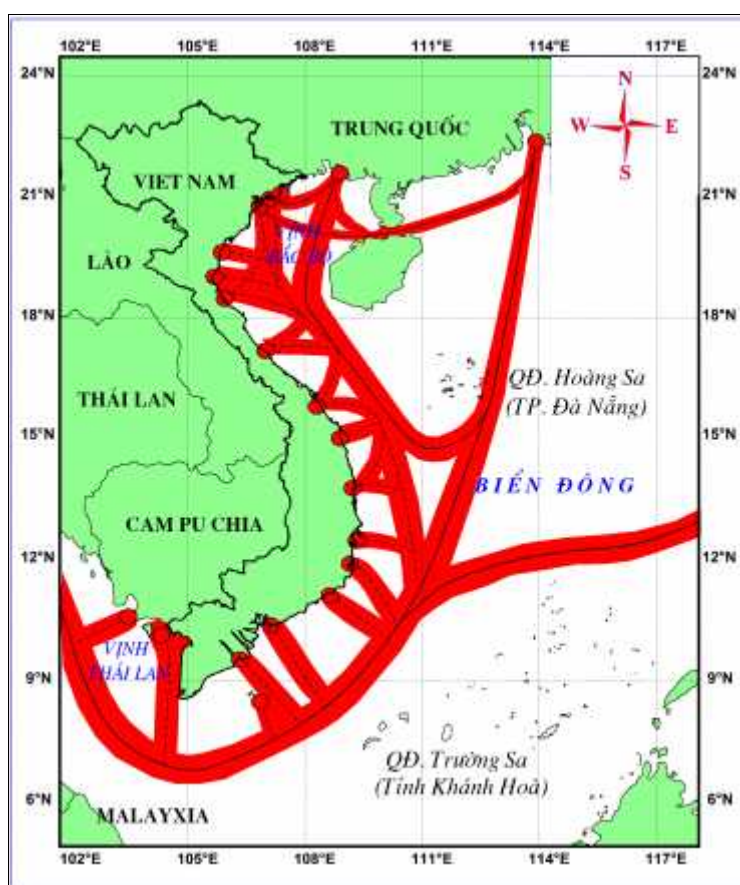
Các vùng biển tiềm năng PSSA của Việt Nam

Dựa theo D. Văn Toán (2012) thì các vùng tiềm năng PSSA của Việt Nam là 23 vùng (Hình 2, Bảng 2). Vùng biển Quảng Ninh có 4 vùng biển tiềm năng PSSA: Vịnh Hạ Long, khu MPA đảo Trần, MPA Bái Tử Long, MPA Cô Tô. Do khoảng cách các vùng này không xa nhau, cho nên có thể liên kết với nhau thành 1 vùng PSSA rộng bao phủ hết vùng biển Quảng Ninh, và 1 số vùng lân cận thuộc Hải Phòng và các tỉnh Quảng Tây Trung Quốc.

Bảng 2. Các PSSA tiềm năng của vùng biển Việt Nam

STT	Tên gọi khu vực biển	Tỉnh	Danh hiệu TNMT	Tác dụng hàng hải quốc tế
1	Vịnh Hạ Long	Quảng Ninh	WH	Luận cứ vào công
2	Đảo Trần	Quảng Ninh	MPA	Ghi nhận hàng hải
3	Cô Tô	Quảng Ninh	MPA	Ghi nhận hàng hải
4	VQG Bái Tử Long	Quảng Ninh	NP	Ghi nhận hàng hải
5	Cát Bà	Hải Phòng	MPA, NP, BR	Luận cứ vào công
6	Bạch Long Vĩ	Hải Phòng	MPA	Ghi nhận hàng hải
7	Xuân Thủy	Nam Định	NP, RS, BR	Ghi nhận hàng hải
8	Tiên Hải	Thái Bình	NP	Ghi nhận hàng hải
9	Hòn Mê	Thanh Hóa	MPA	Ghi nhận hàng hải
10	Cần C	Quảng Trị	MPA	Ghi nhận hàng hải

STT	Tên g i khu v c b i n	T nh	Danh hi u TNMT	Tác ng hàng h i qu c t
11	H i Vân-S n Trà	Th a Thiên Hu - à N ng	MPA	G n tụy n hàng h i, Lu ng t u vào c ng
12	Cù Lao Chàm	Qu ng Nam	MPA, BR	G n tụy n hàng h i
13	Lý S n	Qu ng Ngãi	MPA	G n tụy n hàng h i
14	V nh Nha Trang	Khánh Hoà	MPA	Lu ng t u vào c ng
15	Nam Y t	Khánh Hoà	MPA	G n tụy n hàng h i
16	Núi Chúa	Ninh Thu n	MPA	G n tụy n hàng h i
17	Hòn Cau	Bình Thu n	MPA	G n tụy n hàng h i
18	Phú Quý	Bình Thu n	MPA	G n tụy n hàng h i
19	Côn o	Bà Ra - V ng Tàu	MPA	G n tụy n hàng h i
20	C n Gi	TP H Chí Minh	BR	Lu ng t u vào c ng
21	Cà Mau	Cà Mau	NP, BR	G n tụy n hàng h i
22	Phú Qu c	Kiên Giang	NP, MPA, BR	G n tụy n hàng h i,
23	Hoàng Sa	à N ng	MPA	G n tụy n hàng h i



Hình 3. S các vùng b tác ng hàng h i qu c t c a vùng b i n Vi t Nam.

Vùng bi n Vi t Nam có nhi u khu bi n có giá tr quan tr ng khu v c và toàn c u, cho nên Vi t Nam nên xem xét thi t l p khu PSSA giúp b o v và qu n lý môi tr ãng bi n t t h n.

III. K T QU NGHIÊN C U XÁC NH PSSA BI N QU NG NINH

1. C s pháp lý

V trí a lý vùng nghiên c u n m phía Tây v nh B c B , n m trong kho ng t a ($20^{\circ}30' - 22^{\circ}00'N$; $106^{\circ}30'-108^{\circ}30'E$), r ng kho ng 8500 km^2 (r ng 30 km, dài g n 300 km). Phía B c và òng giáp v i vùng bi n Trung Qu c, phía Tây giáp v i t li n c a Vi t Nam, phía Nam giáp v i bi n thu c v nh B c B . a hình vùng r t ph c t p v i g n 3000 hòn ol n nh và có s âu 5-10 m ven b và t ng d n v phía ngoài kh i t 50 m (Hình 2). ây là vùng bi n thu c ven b hai t nh Qu ng Ninh có các ho t ãng kinh t bi n xu t nh p kh u gia t ng r t m nh trong th i gian g n ây.

Các Ngh quy t IMO s A.720 vào n m 1991, s A.885/1999, s A.927/2002, A.982/2005 vùng (Hi p nh phân nh v nh B c B v i Trung Qu c ngày 25 tháng 12 n m 2000; IMO, 2007; Southamton Institute, 2001) ã có h ãng d n vi c công nh n PSSA i v i các qu c gia thành viên IMO. Vi t Nam gia nh p T ch c Hàng h i qu c t (IMO) t ngày 28/5/1984. Hi n nay Vi t Nam ã chính th c tham gia 15 trong t ng s 40 Công c và Ngh nh th c a IMO. Vi t Nam c ã ký k t công c Lu t bi n Liên h p qu c UNCLOS 82 t n m 1994. Vi t Nam ã ký Hi p nh phân nh v nh B c B v i Trung Qu c ngày 25 tháng 12 n m 2000.

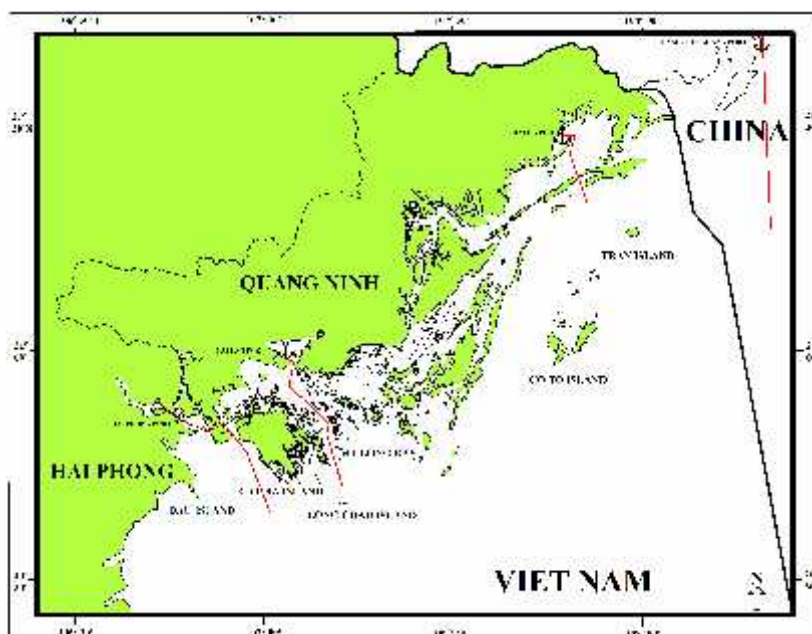
Vùng bi n l a ch n có gi i h n 100% n m trong vùng bi n ch quy n c a Vi t Nam ãng theo UNCLOS 82 và theo Hi p nh phân nh v nh B c B , phù h p v i qui nh c a c a IMO là vùng PSSA thu c khu c quy n kinh t gi i h n b i 200 h i lý.

2. Giá tr c bi t quan tr ng

Vùng này thu c phía B c v nh B c B có giá tr v m t sinh thái c áo và v kinh t xã h i, khoa h c-giáo d c và v n hóa-l ch s . Vùng ven bi n Qu ng Ninh và k c n là m t h sinh thái c bi t v i m c th y tri u cao, có t m quan tr ng c a th gi i. c i m giá tr c bi t c a vùng bi n này - bao g m s c s n xu t sinh kh i, môi tr ãng s ng và a d ng loài, n i sinh s n và tr ng, có r t nhi u loài ãng th c v t quý hi m, có nhi u h sinh thái c tr ng nh r ng m a nhi t i, r ng ng p m n, bãi tri u l y không có r ng ng p m n, bãi cát tri u, rong c bi n, r n san hô, hang ãng và tùng áng. Vùng H Long-Cát Bà là m t vùng bi n o r ng l n v i hàng ngàn o muôn hình muôn v (95% là o á vôi) nhô lên t m t n c cùng r t nhi u hang ãng p, c áo và k l luôn bi n i, theo góc nhìn và th i gian. Vùng H Long-Cát Bà là m t i n hình trên th gi i v quá trình phát tri n c nh quan a m o karst nhi t i tr i qua g n 500 tri u n m v i các quá trình tích t tr m tích, t o ãng b ãng c , v n ãng t o s n, u n n p, bi n tí n, bi n thoái, mài mòn, hòa tan á vôi b i n c. Các o V nh H Long ch a ãng nhi u h t ãng tr m tích thành ph n cacbonnat và l c nguyên v i nhi u di tích c sinh v t d i d ãng hóa th ch và h th ãng các hang ãng có tu i t 700.000

- 11.000 n m v n ang trong quá trình phát tri n. Vùng ven bi n Qu ng Ninh chính là n i cách ây 4 thiên niên k ã có nh ng c ng ng c dân sinh s ng t o nên n n “V n hóa H Long”. G n 30 di ch ã c khai qu t r i rác ven bi n, h i o su t t i vùng này và k t qu kh o c cho th y nh ng c dân ây ã giao l u v i các n n v n hóa Phùng Nguyên, Mai Pha, Hoa L c...(Nguy n Chu H i, 2005).

Vùng ven bi n Qu ng Ninh-H i Phòng có r t nhi u giá tr n i ti ng th gi i và ã có m t s gi i pháp b o v qu c t . Trong vùng bi n này có v nh H Long-Di s n thiên nhiên th gi i c a UNESCO v th m m n m 1994, a m o a ch t n m 2000, Khu d tr sinh quy n th gi i Cát Bà, UNESCO n m 2004. Ngoài ra các gi i pháp b o v qu c gia: v nh H Long là di tích th ng c nh c p qu c gia t 1962, v n qu c gia Bái T Long, 2001, v n qu c gia Cát Bà, 1986, 3 khu b o t n bi n t n m 2010: Cát Bà, Cô Tô, o Tr n (Hình 5).



Hình 4: S l u ng hàng h i và các c ng bi n chính c a vùng nghiên c u

ánh giá giá tr vùng bi n v i tài nguyên r t c áo và duy nh t, x ng áng th t cao nh t c a công tác b o t n, b o v , khai thác s d ng và qu n lý i u hành (B ng 3).

3. Nguy c r i ro do các ho t ng hàng h i qu c t e

Vùng ven bi n Qu ng Ninh và lân c n có r t nhi u c ng bi n to và nh thu c các c m: H i Phòng, Cái Lân, C m Ph , V n Gia, H i Hà, Phòng Thành (Trung Qu c) (Hình 4). L u l ng t u hàng ra vào các c ng r t nhi u, v i s a d ng hàng hóa d u khí, hoá ch t, kh i l ng hàng g n ây t t i g n 40 tri u t n. Cùng v i s a d ng t u ánh b th i s n, t u du l ch qu c t .

Các vùng có nguy c ô nhi m d u t các ho t ng hàng h i th ng xuyên (Hình 5) nhu xúc r a t u, rò r d u xung quanh lu ng t u vào các c ng bi n chính

v i ph m vi 20 km, cùng v i tác ñng c a h th ñng ñòng ch y h ñng òng b c và tây nam s ñây ra o nhi m trên toàn b khu v c này.

Các s c tràn d u. T n m 1994 n nay ã x y ra h n 30 v tràn d u t i vùng n c c ñng bi n H i Phòng. i n hình nh t là v m tàu M ình ngày 20/12/2004 vùng bi n Cát Bà ã gây tràn ra bi n g n 200 t n d u, t i v trí cách o Hòn Dấu 3 h i lý tàu Shun An Xing (Trung Qu c) b m gây tràn hoen 50 t n d u trên di n tích r ñng kho ñng 100m², kéo dài trên 1.000m xung quanh các o Cát H i, Cát Bà. i u này gây thi t h i l n t i tài nguyên môi tr ñng c a các vùng bi n, các khu b o t n bi n (D V n Toán, 2012).

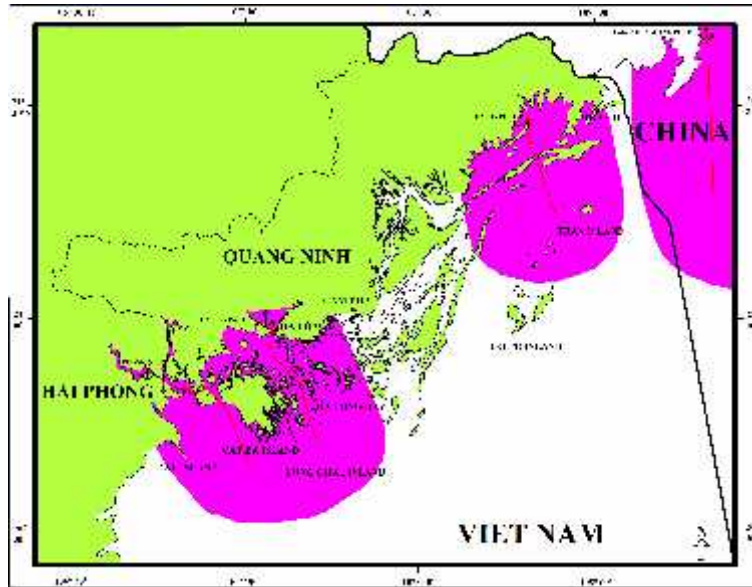
B ñng 3: X p h ñng tiêu chí PSSA vùng bi n Qu ñng Ninh: M c : 1- áp ñng y , 2- t ñng i áp ñng, 3- m t ph n áp ñng

TT	Các tiêu chí	M c
Nhóm sinh thái (11)		
1	Tính c áo ho c h i m	1
2	Môi tr ñng s ñng quan tr ñng	1
3	Tính ph thu c	1
4	Tính i di n	1
5	Tính a d ñng	1
6	N ñng su t	1
7	N i sinh n và tr ñng	1
8	T nhiên hoang s	1
9	Tính nguyên v n	2
10	Tính d t n th ñng	1
11	Giá tr a sinh h c	1
Kinh t -Xã h i- v n hóa (3)		
12	L ích kinh t	1
13	Sinh k	1
14	V n hóa	1
Khoa h c - giáo d c (3)		
15	Nghiên c u	1
16	i u tra c b n và giám sát	1
17	Giáo d c	1

Các ho t ñng hàng h i th ñng xuyên nh : th i d u máy, x th i, n c d n t u, tr t neo.. c ñng gây r i ro l n cho môi tr ñng bi n. Nhi u n i t i vùng bi n H Long – Cát Bà có n ñng ô nhi m d u cao t 1,76mg/l cao g p 6 l n gi i h n cho phép, trong ó có m t ph n do các ho t ñng t u thuy n v n chuy n hàng hóa và du l ch (B TNMT, 2004).

Trong công c MARPOL 73/78 còn quy nh t i các c ñng và b n neo u tàu thuy n ph i có các c s ti p nh n, x lý d u th i và n c l n d u c a các tàu này c ñnh k b m lên mà không c x tr c ti p xu ñng sông- bi n. Trên

thực tế, tất cả các bến, cảng sông-biển và các khu neo đậu tàu thuyền trên toàn lãnh thổ Việt Nam chưa hẳn nào có cơ sở tiếp nhận và xử lý chất thải này, vì vậy, tất cả các tàu loại này chỉ trang bị theo quy phạm của các phép hoạt động, sau đó xử lý trực tiếp các chất thải rắn dưới xuồng sông, biển mà không bị kiểm soát chặt chẽ.



Hình 5: Sự phân bố các vùng có nguy cơ ô nhiễm môi trường xuyên do hoạt động hàng hải

Các biện pháp bảo vệ môi trường hàng hải, các biện pháp thu gom rác thải ra vào các cảng biển của khu vực chưa đầy đủ nên tình trạng ô nhiễm môi trường do hàng hải như đổ dầu tràn, các hóa chất độc hại, thuyền neo vớt trôi nổi xuyên gây thiệt hại và phá hủy môi trường biển, hệ sinh thái biển và các hoạt động kinh tế xã hội, văn hóa du lịch.

Theo quy định của PSSA của IMO thì số lượng tàu thuyền quốc tế ra vào cảng năm 2000 lần/năm, trong khi số tàu thuyền quốc tế ra vào Quảng Ninh rất cao hơn rất nhiều (Bảng 4).

Bảng 4. Lượng tàu ra vào cảng Quảng Ninh. (Nguồn: Cục Hàng hải Việt Nam)

	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009
Tổng số (lần)	22.628	43.480	30.347	14.957	17.776	25.137	29.557	34.824
Tàu nội địa	2.222	2.352	2.752	5.847	7.526	5.904	6.413	6.957
Tàu ngoại địa	20.406	41.128	27.595	9.110	10.250	19.233	23.144	27.867

4. Các phương án (ranh giới) xuất PSSA tại vùng ven biển Quảng Ninh

Phương án 1 (phương án hiện nay)

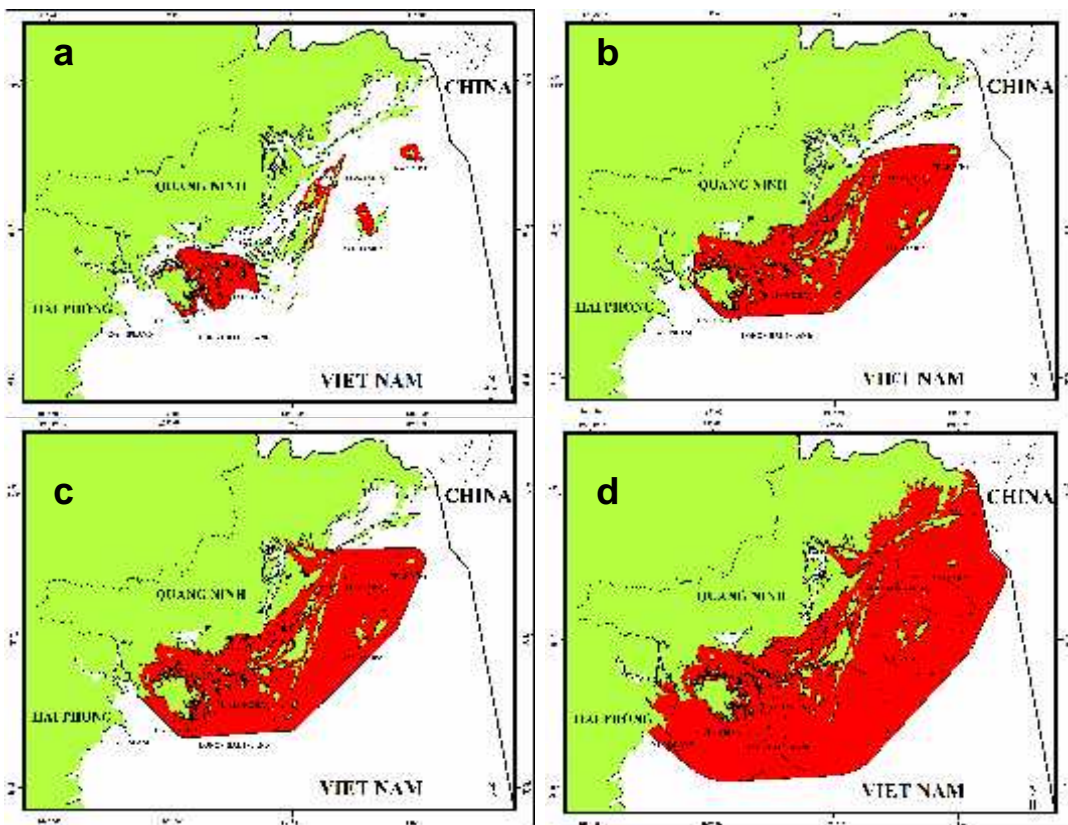
Vùng này có tổng diện tích gần 1000 km² ven biển Quảng Ninh-Hải Phòng (Hình 6). Trong đó vùng Hải Long-di sản thiên nhiên thế giới và vùng tính chất là vùng cảng biển

nhu cầu môi trường, các quy định về môi trường 2005 và Thông tư 2891/1996/TT-KCM ngày 19/12/1996 của Bộ KH-CN & MT về Hướng dẫn bảo vệ môi trường Vịnh Hạ Long, Thông tư 07/2007/TT-BTNMT của Bộ TN-MT về Hướng dẫn phân loại và quy định danh mục các cơ sở gây ô nhiễm môi trường công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và các tiêu chuẩn bắt buộc về chất lượng môi trường nói chung và ô nhiễm không khí nói riêng đối với các loại tàu thuyền được phép hoạt động trên Vịnh Hạ Long. Trong đó, đối với các cơ sở SX có chất thải rắn và các loại tàu thuyền bắt buộc phải có thiết bị xử lý nước thải ra môi trường Vịnh Hạ Long thì tiêu chuẩn nước thải công nghiệp loại A theo TCVN 5945:2005 (Bộ TN-MT, 2004.).

Các khu bảo tồn biển Cát Bà, Cô Tô, Đồ Trèn và vịnh quốc gia Bái Tử Long, với các tiêu chuẩn bảo vệ sinh học có các biện pháp hạn chế tàu thuyền đi vào.

Các tàu thuyền quốc tế sẽ được tiêu lai đi thẳng vào cảng Cái Lân tại phao số “0”.

Tuy nhiên do các biện pháp bảo vệ chưa đầy đủ nên hiện tình trạng môi trường nước và trầm tích biển tại khu vực nghiên cứu đang suy giảm nghiêm trọng dẫn đến suy giảm chất lượng san hô và các hệ sinh thái biển khác.



Hình 6a-d: Các Phương án: - a. Phương án 1 – hiện trạng; - b. Phương án 2; - c. Phương án 3; và - d. Phương án 4

Phong án 2.

Vùng lõi PSSA và các phần ven có giao thông ven biển, mở rộng các dải 1 km có bao gồm các tuyến qua lối ven biển, ven biển Cát Bà nh tới Cô Tô và có diện tích 3628km². Vùng biển ven bờ mở rộng và cần có các biện pháp bảo vệ thích hợp (Hình 6b). Vùng này bắt buộc tuyến ra vào cảng Cái Lân – Quảng Ninh có chướng báo cáo, chướng hoa tiêu lái đò tuyến ra vào cảng ngoài vùng giới hạn PSSA.

-Phong án 3

Vùng lõi PSSA và các phần ven có giao thông ven biển, mở rộng 3 hải lý và có diện tích 4544km² (Hình 6c) có thay đổi chướng báo cáo hàng hải bắt buộc thêm dải vùng tuyến ra vào cảng Hải Phòng, chướng hoa tiêu lái đò tuyến ra vào cảng ngoài vùng biên PSSA.

-Phong án 4

Vùng lõi PSSA và các phần ven có giao thông ven biển, mở rộng 12 hải lý và có diện tích 8212km² (Hình 6d) sắp đặt chướng báo cáo tuyến ra vào các cảng Hải Phòng, Cẩm Phả, Cái Lân, Hải Hà và chướng hoa tiêu lái đò tuyến ra vào cảng ngoài PSSA.

IV. THỰC TIỄN VÀ KIẾN NGHỊ

Dựa trên kinh nghiệm của các PSSA đã có trên thế giới, thì lợi ích của PSSA Quảng Ninh (riêng vùng Hải Long hay toàn vùng) sẽ nhận được các chi phí phi lợi nhuận. Lợi ích cao nhất của chính PSSA là thông tin kịp thời về các tuyến ra vào các cảng biển – không thể thay thế giá trị môi trường toàn vùng biển Quảng Ninh và toàn thế giới.

Cần phải đánh giá ranh giới PSSA trên biển theo quy định của IHO, các tuyến ra vào các cảng biển cần phải đảm bảo an toàn hàng hải theo quy định của PSSA của IMO.

Sau khi có danh hiệu PSSA cho toàn vùng biển Quảng Ninh, thì sẽ có các hiệu quả về môi trường biển và thiên nhiên thế giới cho toàn vùng biển rộng lớn, chứ không chỉ là vùng biển Vịnh Hải Long.

PSSA kích thích và mở rộng các tuyến hàng hải và quản lý tuyến ra vào theo tiêu chuẩn quốc tế, cần phải có các tuyến hàng hải để phục vụ nhu cầu vận chuyển hàng hóa và vận chuyển hàng hóa. PSSA cần nâng cao trách nhiệm của chính quyền và kiểm soát và luật pháp.

Thị trường của PSSA cần giúp nâng cao các tuyến ra vào biển và pháp luật, cần phải có các biện pháp kiểm soát tàu buôn lậu, ngăn ngừa các hành vi phạm pháp và biên phòng trên biển Quảng Ninh.

Cần phải nghiên cứu xây dựng hệ thống PSSA trình IMO và các bên liên quan cho vùng biển Hải Long hay rộng lớn toàn vùng biển Quảng Ninh. Cần phải có sự tham gia của các cơ quan quản lý biển, hàng hải và tài nguyên môi trường cấp Trung ương và địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh và ngành thu nhập cao của ngành Hàng hải, của các cảng biển địa phương, các

n v. kinh doanh t. u. thuy. n. và v. n. chuy. n., các t. ch. c. qu. c. t., các t. ch. c. môi tr. ãng.

TÀI LI U THAM KH O

1. B. TNMT, 2004. Báo cáo hi. n. tr. ãng môi tr. ãng bi. n.
2. Nguy. n. Chu. H. i., 2005. C. s. tài nguyên & môi tr. ãng bi. n., NXB. HQG HN;
3. Hi. p. nh. phân. nh. v. nh. B. c. B. v. i. Trung. Qu. c. ngày 25 tháng 12 n. m. 2000.
4. IMO, 2007. PSSA-Guideline. 144 pp.
5. Southamton Institute, 2001. PSSA-Wadden Sea Feasibility. 91pp.
6. D. V. n. Toán, 2012. Báo cáo tài “Nghiên. c. u. lu. n. c. khoa. h. c. và xác. nh. các vùng bi. n. c. bi. t. nh. y. c. m. (PSSA) t. i. vùng bi. n. Vi. t. Nam”.